

Thứ năm, ngày 7 tháng 4 năm 2022

Vietnam Daily Review

Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/4/2022		•	
Tuần 4/4-8/4/2022		•	
Tháng 4/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường mở cửa quanh ngưỡng tham chiếu trước khi có một cơn sóng thần ập đến quét chỉ số ra ngoài đảo xa. Bất chấp những nỗ lực vùng vẫy ở đầu phiên chiều, VN-Index tiếp tục bị sóng kéo trở về quanh 1500. Bị sóng đánh toi tã nhất là nhóm cổ phiếu Bất động sản, Xây dựng với nhiều mã đồng loạt giảm mạnh. Bên cạnh đó, bộ ba Bank, Chứng, Thép cũng bị cuốn “lạc trôi”. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/19 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, nhiều khả năng thị trường sẽ quay trở lại vùng hỗ trợ 1480. Nhà đầu tư nên cẩn trọng trong những phiên giao dịch tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên canh bán các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 07/04/2022, các chứng quyền giảm mạnh theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-20.55** điểm, đóng cửa **1502.35** điểm. HNX-Index **-5.22** điểm, đóng cửa **441.61** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MBB (+0.34)**, **DGC (+0.28)**, **ACB (+0.28)**, **DPM (+0.27)**, **DCM (+0.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.90)**, **VHM (-1.42)**, **VIC (-0.96)**, **MSN (-0.83)**, **NVL (-0.82)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **25.314** tỷ đồng, giảm **-11.82%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27.145 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 22.57 điểm. Thị trường có **89** mã tăng, 42 mã tham chiếu và **372** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-526.53** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-87.72 tỷ)**, **HPG (-85.30 tỷ)**, **STB (-72.40 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-9.12** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1520.03**
Giá trị: 25313.63 tỷ **-4.67 (-0.31%)**
Khối ngoại (ròng): -526,53 tỷ

HNX-INDEX **456.10**
Giá trị: 2787.43 tỷ **-2.59 (-0.56%)**
Khối ngoại (ròng): -9,12 tỷ

UPCOM-INDEX **117.70**
Giá trị: 1179.01 tỷ **0.03 (0.03%)**
Khối ngoại(ròng): 6,11 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	104.4	1.09%
Giá vàng	1,928	-0.25%
Tỷ giá USD/VND	22,861	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	25,073	0.01%
Tỷ giá JPY/VND	18,609	0.00%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	7.15%
LS TPCP 5 năm	1.9%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NVL	58.6	VHM	-87.7
TPB	31.2	HPG	-85.3
DPM	28.2	STB	-72.4
CII	21.8	PVD	-66.1
PET	21.3	E1VFN30	-59.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 07/04

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	96.23	-5.62%	-10.75%	-16.90%	61.00%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	101.65	-4.68%	-8.79%	-14.49%	60.94%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.07	-3.00%	-6.58%	-13.00%	57.29%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1925.02	0.07%	-0.42%	-3.66%	10.81%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.44	0.52%	-1.64%	-4.76%	-2.72%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1619.50	-0.71%	-2.67%	-2.41%	14.96%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1040.75	-0.45%	1.74%	-16.91%	68.88%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.05	1.39%	2.51%	6.37%	37.04%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	265.90	-0.41%	4.07%	8.09%	11.72%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	1379.00	0.29%	0.66%	-1.99%	6.08%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	15.91	-0.81%	-0.06%	-0.09%	20.77%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	228.55	-1.19%	3.02%	1.35%	80.32%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.73	-0.51%	-0.13%	0.24%	16.47%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	5115.00	0.00%	3.25%	4.90%	3.13%		
Nhôm	USD/ton	3470.00	0.14%	-2.28%	-7.22%	54.57%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	154.00	0.00%	4.41%	-3.14%	-8.06%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	281.00	6.44%	8.91%	-33.51%	196.26%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Bent giảm 5.57 USD, tương đương 5.2%, xuống 101.07 USD/thùng, trong khi dầu thô Mỹ giảm 5.73 USD, hay 5.6 %, xuống 96.23 USD/thùng.
- Giá dầu giảm mạnh sau khi các nước tiêu thụ dầu lớn cho biết họ sẽ giải phóng dầu khỏi các kho dự trữ để giải quyết tình trạng nguồn cung bị thắt chặt. Biên bản cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cho thấy các quan chức Fed đều muốn tăng mạnh lãi suất khiến USD tăng giá trong phiên vừa qua cũng gây áp lực lên giá dầu.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên vững ở 1,923.50 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 6 giảm 0.2% xuống 1,923.10 USD.
- Giá vàng tiếp tục vững bởi trong khi kim loại này tiếp tục hấp dẫn như một nơi trú ẩn an toàn chống lạm phát giữa bối cảnh căng thẳng ở Ukraine (yếu tố hỗ trợ giá tăng) thì biên bản cuộc họp của Fed lại cho thấy ngân hàng trung ương Mỹ sẽ tăng mạnh lãi suất, thêm 50 điểm trong mỗi kỳ họp sắp tới (yếu tố gây áp lực giảm giá).

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên Sàn giao dịch Hàng hóa Đại Liên trong phiên có lúc tăng 4.1% lên 945 nhân dân tệ (148.49 USD)/tấn do nhu cầu tại các nhà sản xuất thép phục hồi sau đại dịch. Kết thúc phiên này, giá tăng 2.2% so với đóng cửa phiên trước, lên 927 nhân dân tệ/tấn.
- Giá thép cũng tăng trong phiên vừa qua, với thép cây kỳ hạn tháng 10 tăng 0.2% lên 5,121 nhân dân tệ/tấn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn Osaka kết thúc phiên giảm 3.5 yên, tương đương 1.3%, xuống 266.9 yên (2.15 USD)/kg.
- Giá cao su trên thị trường Nhật Bản quay đầu giảm sau 5 phiên tăng trước đó do giá cao su tại Thượng Hải và cổ phiếu Tokyo đều giảm.

Giá nông sản

- Giá đường thô giao tháng 5 đảo chiều giảm từ mức cao nhất 1 tháng, giảm 0.06 cent, tương đương 0.3% xuống 19.59 cent/lb. Giá đường trắng giao tháng 5 trong phiên này tiếp tục tăng nhẹ 1.00 USD, hay 0.2%, lên 545.60 USD/tấn.
- Giá cà phê robusta giao tháng 7 giảm 20 USD, tương đương 0.9%, xuống 2,090 USD/tấn vào lúc kết thúc phiên giao dịch, trước đó có thời điểm giá xuống mức thấp nhất trong ba tuần, là 2,071 USD. Giá cà phê arabica giao tháng 5 cũng giảm 3.7 cent, tương đương 1.6% xuống 2.276 USD/lb.

	7/4	% 7/4	6/4	% 6/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1520.03	-0.31%	1524.70	0.54%	1.49%	0.98%
S&P 500			4582.64	0.81%	0.16%	5.02%
HĐTL S&P500	4582.00	0.09%	4577.75	0.85%	-0.94%	6.08%
Shang- hai	3282.72	0.94%	3252.20	-0.44%	2.19%	-5.78%
Euro Stoxx	3959.16	0.20%	3951.12	0.83%	-1.07%	11.34%

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

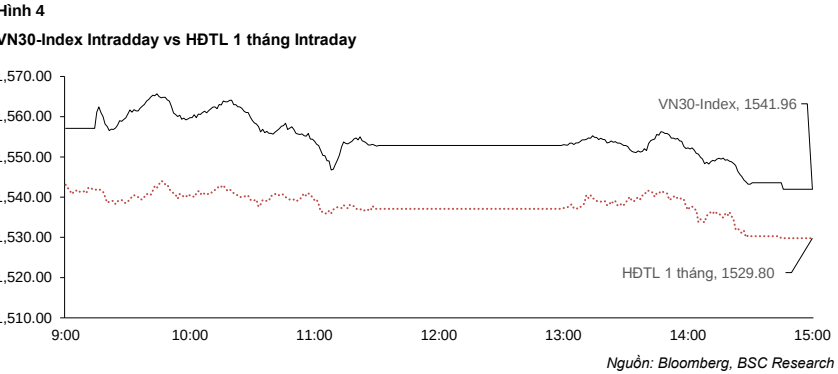
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	25.7	1	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	29.1	2	0.87%	Có thể tiếp tục mua
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	37	3	1.37%	Có thể tiếp tục mua
4/1/2022	SIP	140	163	134	138.5	6	-1.07%	Có thể tiếp tục mua
3/31/2022	VNM	80.9	95	75	79.3	7	-1.98%	Có thể tiếp tục mua
3/29/2022	MSH	86.2	101	80.2	87.5	9	1.51%	Có thể tiếp tục mua
3/28/2022	GMD	56.3	63.2	53	58.1	10	3.20%	Có thể tiếp tục mua
3/24/2022	BMP	61	68	58	63.3	14	3.77%	Có thể tiếp tục mua
3/23/2022	DBC	38.6	43	36.6	38.45	15	-0.39%	Có thể tiếp tục mua
3/15/2022	HBC	28.2	33	26	28.3	23	0.35%	Có thể tiếp tục mua
3/10/2022	ITD	16.9	20	15	18.9	28	11.83%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	45	35	1.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/23/2022	PVT	24.8	31.8	23	24.5	43	-1.21%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/18/2022	G36	19.8	25.2	17	20.7	48	4.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/22/2022	CII	34.15	43.5	30.8	SL	6	-9.81%
3/18/2022	LIG	16	22	14.7	SL	12	-8.13%
3/17/2022	HQC	8.19	10.19	7.5	TP	7	24.42%
3/16/2022	VTP	70	77	66	TP	8	10.00%
3/9/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
3/5/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
3/4/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
3/1/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
2/28/2022	HSG	38.35	46.9	36.25	SL	30	-5.48%
2/25/2022	VGT	27	33	25	SL	17	-7.41%
2/17/2022	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
2/16/2022	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	4	2.88%	-1.16%	1.73%	19
Cổ phiếu đã chốt	242	191	7.39%	-7.69%	4.71%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2204	1525.30	-0.20%	-13.90	1.7%	104,939	4/21/2022	18
VN30F2205	1523.20	-0.27%	-16.00	-22.8%	331	5/19/2022	46
VN30F2206	1520.50	-0.37%	-18.70	83.3%	66	6/16/2022	74
VN30F2209	1518.50	-0.24%	-20.70	1.0%	103	9/15/2022	165

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -15.15 điểm xuống 1541.96 điểm. Các cổ phiếu như MWG, HPG, TCB, VHM, MSN đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Xu hướng vận động vẫn khá yếu và chưa có dấu hiệu vượt lên ngưỡng 1550 điểm. Khuyến nghị các nhà đầu tư giao dịch cẩn trọng.
- Các HDTL đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HD đều giảm. Xét về vị thế mở, các HD đều tăng. Điểm số giảm và lượng hợp đồng mở giảm cho thấy xu hướng dòng tiền đang thoát khỏi thị trường. Các nhà đầu tư nên canh bán các HDTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2111	5/24/2022	49	5:1	104,700	21.96%	1,990	1,790	11.18%	98	18.24	118,800	106,000	109,000
CHPG2116	7/6/2022	92	4:1	13,200	33.09%	2,830	850	4.94%	53	16.06	62,010	61,410	46,100
CFPT2202	6/24/2022	80	10:1	378,900	21.96%	1,700	2,650	1.53%	880	3.01	97,200	89,700	109,000
CHPG2203	9/20/2022	168	4:1	463,700	33.09%	2,200	1,540	0.65%	681	2.26	81,500	51,500	46,100
CHPG2201	10/21/2022	199	10:1	440,400	33.09%	1,300	920	0.00%	385	2.39	73,866	49,666	46,100
CFPT2108	7/6/2022	92	6:1	1,500	21.96%	3,280	3,000	-1.32%	211	14.25	109,835	106,835	109,000
CHPG2202	9/21/2022	169	10:1	189,800	33.09%	1,100	730	-1.35%	208	3.51	116,488	53,888	46,100
CHPG2117	7/1/2022	87	5:1	130,400	33.09%	2,320	470	-2.08%	51	9.27	66,900	60,000	46,100
CFPT2203	8/1/2022	118	4:1	82,000	21.96%	3,800	5,460	-2.67%	1,567	3.48	100,720	95,000	109,000
CHDB2202	6/9/2022	65	3:1	93,300	36.99%	2,220	1,120	-4.27%	293	3.82	33,200	30,500	28,750
CFPT2109	4/8/2022	3	8:1	302,100	21.96%	1,900	1,690	-5.06%	93	18.17	97,680	96,000	109,000
CACB2201	9/20/2022	168	4:1	63,500	28.14%	1,500	1,080	-5.26%	463	2.33	47,980	35,500	33,000
CHPG2119	5/24/2022	49	2:1	65,700	33.09%	3,380	1,600	-5.33%	231	6.93	54,140	53,000	46,100
CHDB2201	9/21/2022	169	5:1	128,400	36.99%	1,500	1,030	-5.50%	377	2.73	31,599	30,999	28,750
CHDB2103	4/27/2022	22	8:1	144,900	36.99%	1,000	300	-6.25%	78	3.82	35,848	28,888	28,750
CFPT2201	9/20/2022	168	8:1	328,300	21.96%	2,100	2,220	-7.11%	368	6.04	117,840	106,000	109,000
CACB2202	6/9/2022	65	3:1	70,600	28.14%	2,150	870	-7.45%	302	2.88	37,650	35,100	33,000
CHPG2114	4/27/2022	22	10:1	526,700	33.09%	1,200	120	-7.69%	1	134.45	62,789	56,789	46,100
CACB2103	5/24/2022	49	1:1	54,300	28.14%	3,700	840	-9.68%	268	3.14	39,440	37,000	33,000
CHPG2118	5/4/2022	29	5:1	78,600	33.09%	2,000	130	-23.53%	0	477.98	66,349	61,999	46,100
Tổng				3,556,300	29.82%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 07/04/2022, các chứng quyền giảm mạnh theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CHPG2118 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 88.92% và 47.26%. Giá trị giao dịch tăng mạnh 70.41%. CVHM211 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.05% thị trường.
- CSTB2202, CFPT2203, CSTB2112, CMBB2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2110, CFPT2202, CSTB2110, và CMSN2108 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2112, CMSN2104, CSTB2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	Hiện điều chỉnh	0.1%	0.5	4,940	8.5	6,936	22.3	5.4	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	115.1	1.0%	0.6	1,165	2.8	4,526	25.4	4.5	49.0%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	64.4	0.3%	1.4	2,059	4.2	2,554	25.2	2.2	26.4%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	56.0	-0.2%	0.5	577	0.3	3,543	15.8	1.7	57.9%	10.9%
VIC	Bất động sản	79.5	-0.5%	0.7	13,647	12.8	(690)	N/A	N/A	3.1	12.6%
VRE	Bất động sản	33.7	-1.2%	1.1	3,325	4.6	578	58.2	2.5	30.4%	4.4%
VHM	Bất động sản	76.4	0.1%	1.0	14,464	12.6	9,004	8.5	2.7	23.7%	36.9%
DXG	Bất động sản	41.5	0.7%	1.3	1,160	18.6	1,942		3.0	29.9%	15.5%
SSI	Chứng khoán	44.1	-1.6%	1.5	1,912	14.1	2,768	15.9	3.1	37.4%	22.5%
VCI	Chứng khoán	58.5	-1.2%	1.0	847	3.8	4,512	13.0	3.0	18.9%	27.1%
HCM	Chứng khoán	34.8	-1.9%	1.5	702	5.9	2,805	12.4	2.2	43.1%	19.5%
FPT	Công nghệ	113.3	-0.3%	1.0	4,301	8.9	4,792	23.6	5.5	49.0%	25.8%
FOX	Công nghệ	86.1	2.2%	0.4	1,183	0.2	4,926	17.5	4.5	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	112.8	1.7%	1.2	9,511	3.6	4,381	25.8	4.3	2.8%	17.4%
PLX	Dầu khí	56.1	-0.2%	1.5	3,099	2.3	2,344	23.9	2.8	17.0%	12.3%
PVS	Dầu khí	34.8	0.0%	1.6	713	4.9	1,258	27.7	1.4	8.4%	5.0%
BSR	Dầu khí	26.8	2.3%	0.8	3,613	8.6	2,108		2.2	41.1%	19.1%
DHG	Dược	106.7	-2.1%	0.2	614	0.2	5,720	18.7	3.7	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	64.7	1.6%	0.9	1,109	14.5	7,959	8.1	2.4	11.0%	33.5%
DCM	Hóa chất	41.3	1.2%	0.7	976	7.4	3,073	13.4	3.0	6.5%	23.7%
VCB	Ngân hàng	83.0	0.5%	1.0	17,078	1.9	4,632	17.9	3.6	23.6%	21.6%
BID	Ngân hàng	43.1	-2.1%	1.2	9,523	5.5	2,084	20.7	2.6	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	32.6	-1.5%	1.5	6,759	8.6	#N/A	N/A	#N/A	#N/A	#VALUE!
VPB	Ngân hàng	38.3	-1.8%	1.2	7,403	26.5	2,648	14.5	2.2	17.5%	17.9%
MBB	Ngân hàng	33.7	-1.1%	1.2	5,364	14.3	3,362	10.0	2.1	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	33.6	-1.5%	1.1	3,877	6.5	3,554	9.5	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	63.6	-1.7%	0.6	226	0.1	2,619	24.3	2.3	85.2%	9.0%
NTP	Nhựa	56.8	1.2%	0.4	298	0.4	3,825	14.8	2.5	17.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	31.0	-1.0%	1.2	1,491	1.0	178	174.2	2.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	46.6	0.5%	1.2	8,965	24.3	7,166	6.5	2.3	22.1%	42.8%
HSG	Thép	35.3	0.0%	1.4	765	6.7	8,581	4.1	1.6	6.6%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	78.5	-2.2%	0.6	7,306	7.7	4,518	17.4	5.1	54.2%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	166.5	-0.2%	0.8	4,634	0.5	5,718	29.1	5.0	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	151.0	1.1%	0.9	7,781	4.9	7,257	20.8	5.5	28.4%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	22.9	-1.0%	1.4	657	3.4	1,135	20.2	1.8	7.3%	8.7%
ACV	Vận tải	92.5	1.2%	0.8	8,992	0.2	577	255.0	5.5	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	137.0	-1.0%	1.1	3,332	4.1	183		4.5	16.8%	0.6%
HVN	Vận tải	24.7	1.2%	1.7	2,426	2.1	(6,783)		23.3	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	56.2	1.0%	1.0	780	10.1	1,869	30.1	2.8	42.8%	9.2%
PVT	Vận tải	24.7	-0.2%	1.3	352	3.2	2,038	12.1	1.6	9.8%	13.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	116.6	-0.9%	0.8	808	0.9	10,538	11.1	3.8	3.6%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	57.9	-2.3%	0.3	1,265	4.8	2,729	21.2	4.1	4.3%	18.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	25.1	2.1%	0.8	410	1.8	966	26.0	1.8	1.9%	7.0%
CTD	Xây dựng	86.0	-4.0%	1.0	305	9.9	308	279.2	0.9	45.4%	0.3%
CII	Xây dựng	31.5	0.0%	1.1	333	7.5	(1,398)	N/A	N/A	1.6	-6.9%
REE	Điện	81.0	-0.6%	-1.4	1,102	2.9	6,002	13.5	1.9	49.0%	15.0%
PC1	Điện	45.6	0.4%	-0.4	473	5.2	3,014	15.1	2.3	5.1%	16.0%
POW	Điện	16.4	0.9%	0.6	1,665	6.8	768	21.3	1.3	2.0%	6.3%
NT2	Điện	24.0	0.7%	0.5	290	0.8	1,778	13.5	1.6	13.6%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	52.1	-1.8%	1.3	1,352	9.4	1,590	32.8	2.2	18.5%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	74.3	1%	1.0	3,344	1.2			4.8	2.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	114.30	1.69	0.93	727800
NVL	87.70	1.39	0.59	5.67MLN
VCB	83.00	iện điều chỉ	0.48	526100
MSN	151.60	1.07	0.48	739300
HPG	46.10	0.55	0.29	12.12MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	0.00	-1.22	2.91MLN	1.11MLN
VNM	0.00	-0.96	2.20MLN	607060
VPB	0.00	-0.80	15.77MLN	373600
CTG	0.00	-0.61	6.08MLN	192700
TCB	0.00	-0.54	5.80MLN	611640

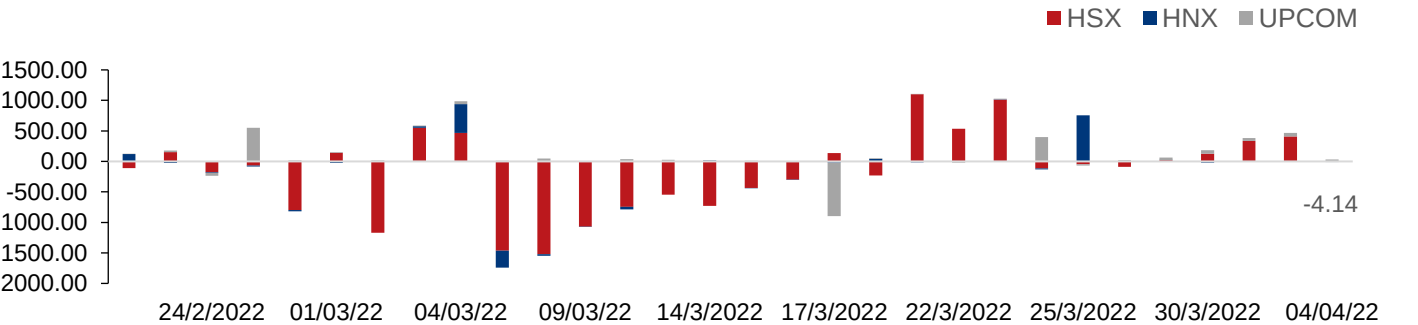
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TRC	50.50	6.99	0.03	132500.00
QBS	8.57	6.99	0.01	7.10MLN
CNG	39.95	6.96	0.02	626100
LCG	22.55	6.87	0.06	18.53MLN
ELC	28.85	6.85	0.02	3.50MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	13.30	-6.99	-0.01	170200
NVT	27.00	-6.90	-0.05	169000
MCP	28.10	-6.80	-0.01	6500.00
VFG	63.50	-6.62	-0.04	7500
HTV	16.40	-6.02	0.00	85300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	113.3	4,792	23.6	5.5	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	36.0	2,448	14.7	2.4	Click
3	NKG	Phiên điều chỉnh	Mua	11/3/22	51.2	60.4	46.5	10,793	4.3	1.8	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	16.4	768	21.3	1.3	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	115.1	4,526	25.4	4.5	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	155.0	6,936	22.3	5.4	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	24.7	2,038	12.1	1.6	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	223.0	13,122	17.0	6.1	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	46.6	7,166	6.5	2.3	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	52.1	1,590	32.8	2.2	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	41.8	4,717	8.9	3.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	41.5	1,942	21.4	3.0	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	137.2	7,460	18.4	7.3	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	40.3	1,006	40.1	2.4	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	39.0	2,877	13.6	2.4	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	89.8	6,040	14.9	3.0	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	42.6	1,891	22.5	2.0	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	56.0	3,543	15.8	1.7	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	34.8	1,258	27.7	1.4	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	112.8	4,381	25.8	4.3	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	36.8	3,134	11.7	2.7	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	86.0	308	279.2	0.9	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	21.7	1,454	14.9	0.9	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.2	1,520	11.9	0.8	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.2	1,520	11.9	0.8	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	24.8	2,324	10.7	3.5	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	115.1	4,526	25.4	4.5	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	115.1	4,526	25.4	4.5	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	155.0	6,936	22.3	5.4	Click
30	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	77.8	3,013	25.8	5.3	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	53.8	3,055	17.6	2.4	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.8	2,108	12.7	2.2	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	28.0	948	29.5	1.7	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	89.8	6,040	14.9	3.0	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	32.7	1,637	20.0	1.9	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	18.3	689	26.6	1.4	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	37.5	3,600	10.4	1.9	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	43.5	3499.1	12.4	1.9	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.0	1,778	13.5	1.6	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	112.8	4,381	25.8	4.3	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	46.5	10,793	4.3	1.8	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	51.1	1,781	28.7	3.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	78.5	4,518	17.4	5.1	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	113.3	4,792	23.6	5.5	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	33.7	578	58.2	2.5	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	223.0	13,122	17.0	6.1	Click
47	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	58.5	5,924	9.9	2.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639